

Làm việc với Biểu mẫu và Khung (Form và Frame)

Chương 4

Mục tiêu

- Sử dụng biểu mẫu và các phần tử nhập thông thường trong HTML
- Sử dụng khung

- Sử dụng biểu mẫu
 - Thu thập tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ e-mail và các thông tin khác để người dùng đăng ký vào một dịch vụ nào đó
 - Tập hợp thông tin dùng để đăng ký mua một mặt hàng nào đó, ví dụ, khi muốn mua một cuốn sách trên Internet, ta phải điền tên, địa chỉ gửi thư qua bưu điện, phương thức thanh toán và các thông tin liên quan...

Ví dụ một biểu mẫu

Sample Form - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Home Search Favorites Media Links

Address D:\HTML-DHTML-JS-Examples\DemoForm.html

Sample Stock Survey

Describe your investment experience

beginner intermediate expert

Types of Investments you make

Individual Stocks Options Mutual Funds

How do you buy your stocks?

1) On-Line
2) Touch Tone Trading
3) Broker Assisted
4) Other

What is your hot stock pick for?

Any Investment Advice for others?

Submit Reset

Done My Computer

This is a text field

This is a Hidden field

Submit Reset These are buttons

This is a Check Box

This is a Radio Button

This is a List/Menu

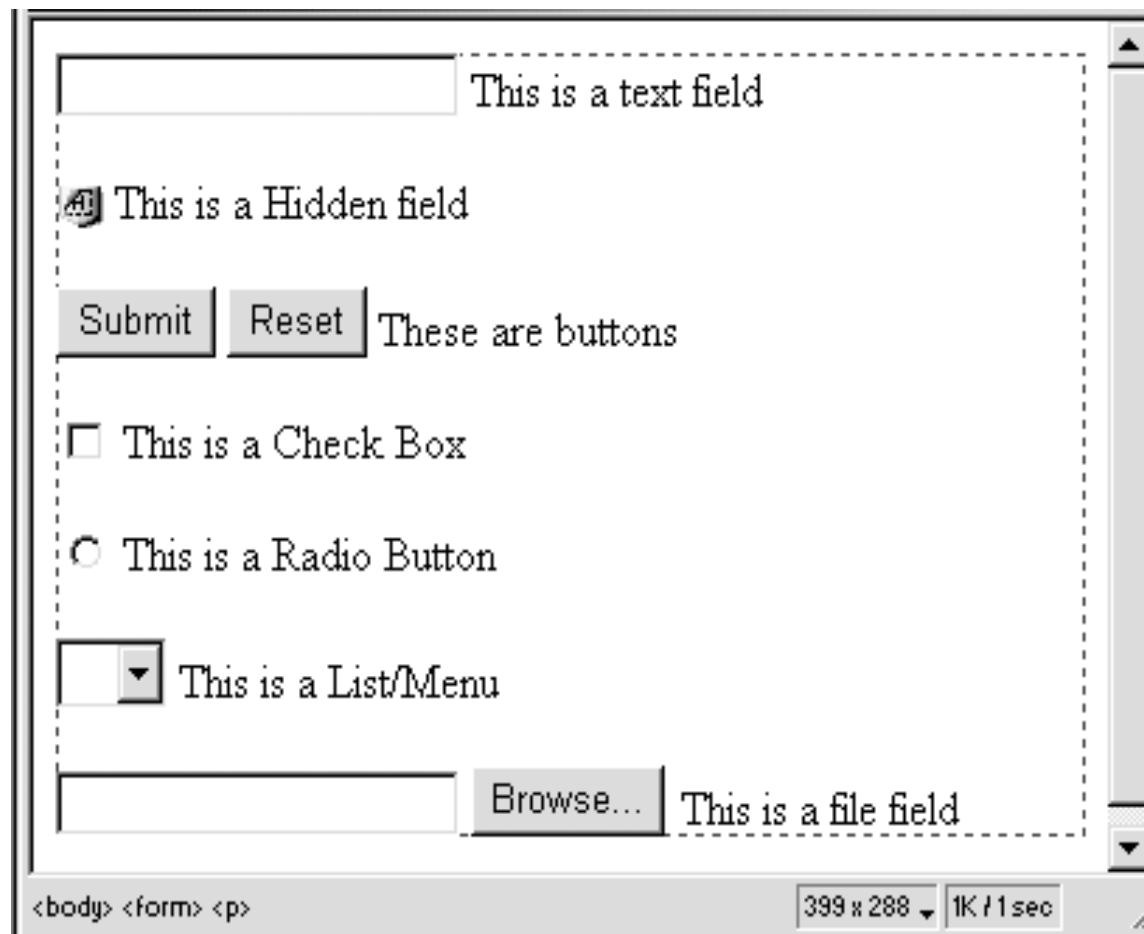
Browse... This is a file field

<body> <form> <p>

399 x 288 1K / 1 sec

- Phần tử FORM
`<FORM> ... </FORM>`
- Các thuộc tính của FORM
 - ACTION
 - METHOD

Các phần tử của form



Các phần tử của form

Thành phần	Chức năng
Text Fields	Thành phần Text field được dùng cho việc nhập văn bản. Văn bản có thể là ký tự, số, ký tự alphanumeric hay là các ký tự *. Các ký tự * được dùng để hiển thị những dữ liệu được bảo vệ như mật khẩu. Text fields có thể là dòng đơn, nhiều dòng, hay mật khẩu.
Nút (Button)	Button cung cấp cách để người dùng có thể gửi thông tin. Button thực hiện hoạt động khi được kích. Button phải được xác định tên như Submit hay Reset. Một tên khác có thể được thêm vào một nút được dùng trong Property Inspector
Hidden Fields	Trường Hidden được dùng để lưu trữ thông tin người dùng như tên, email id v.v.Thông tin này có thể được dùng khi người dùng thăm site vào thời gian tới
Check boxes	Check box được dùng để chọn nhiều lựa chọn từ một nhóm các chọn lựa. Check box cho phép người dùng chọn hơn một lựa chọn.
Radio Button	Radio Button cho phép người dùng chọn chỉ một lựa chọn từ nhóm các lựa chọn.
List/Menu	List/Menu hiển thị các lựa chọn trong một danh sách cuộn, từ đó người dùng có thể chọn nhiều lựa chọn
File Fields	File Fields cho phép khách viếng thăm thông qua và chọn các tập tin trên máy tính của họ và upload các tập tin như dữ liệu form.
Image Fields	Trường ảnh chèn ảnh trong một form. Các hình ảnh này có thể được dùng làm nút ảnh

- Phần tử INPUT

- TYPE
- NAME
- VALUE
- SIZE
- MAXLENGTH
- CHECKED
- SRC

Input – Các kiểu TYPE

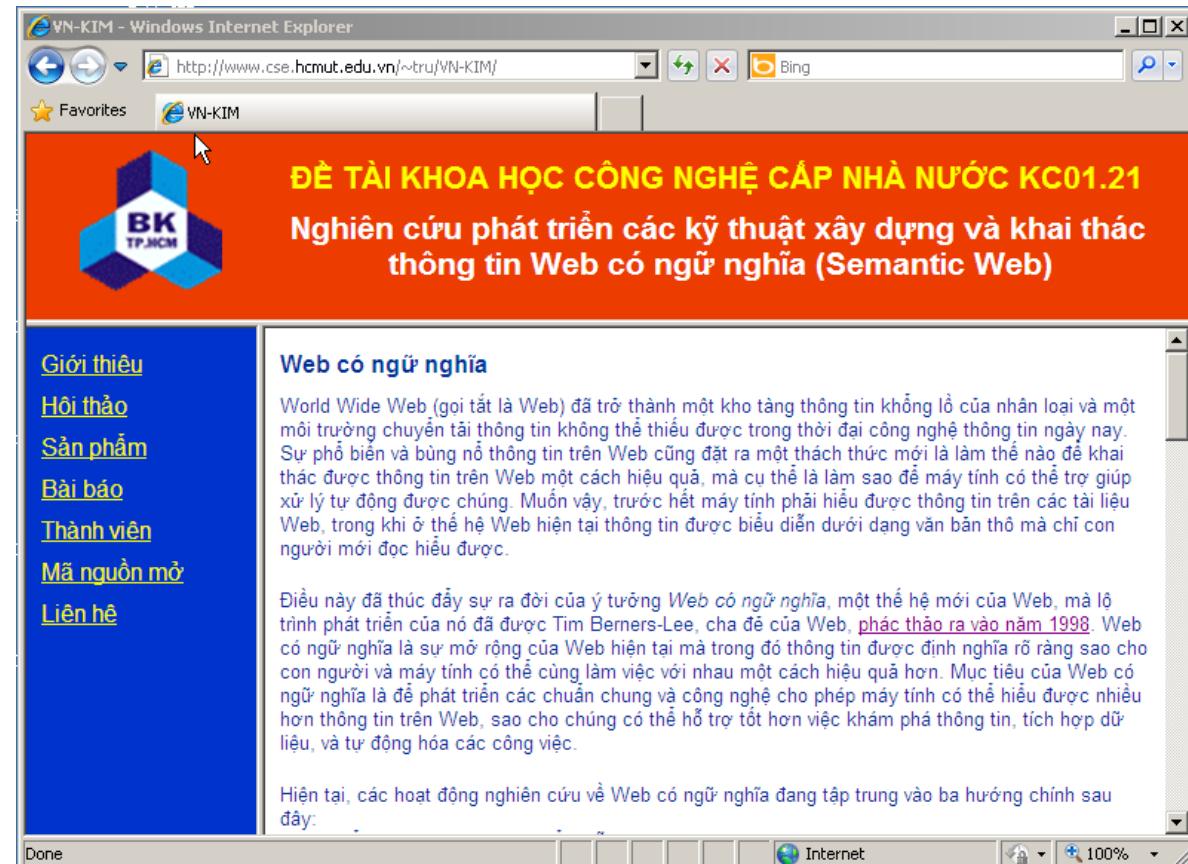
- TEXT [Default]
- CHECKBOX
- RADIO
- SUBMIT
- RESET
- IMAGE
- BUTTON

- Phần tử TextArea
 - cols
 - rows
 - Size
 - type
 - Value
- Phần tử BUTTON
 - name
 - value
 - type

- Phần tử SELECT
 - Name
 - size
 - Multiple
- Phần tử LABEL

- Điều khiển các phần tử
 - Thiết lập tiêu điểm
 - Thứ tự Tab
 - Phím truy nhập (phím tắt)
 - Vô hiệu hóa phần tử

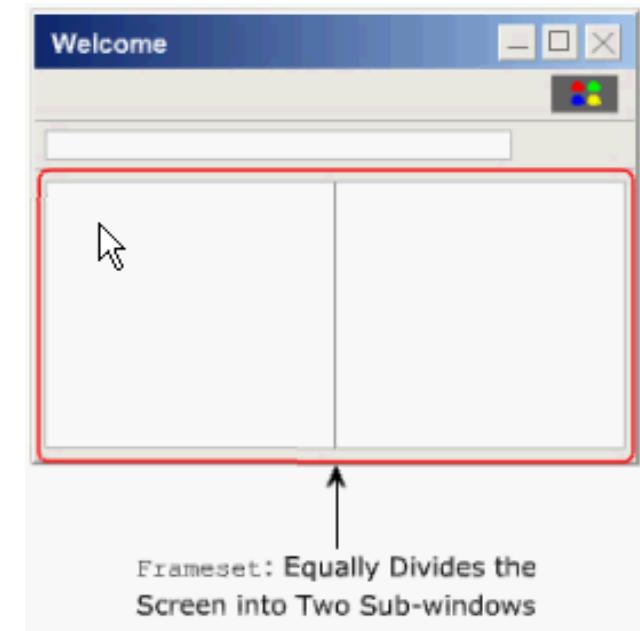
- Khung chia một cửa sổ trình duyệt thành nhiều vùng riêng biệt, mà mỗi vùng có thể hiển thị một trang riêng biệt có thể cuộn (scroll) được.
- Ví dụ, ta có thể sử dụng ba khung trong trang Web, một làm biểu ngữ (banner), một làm menu điều hướng và một để hiển thị dữ liệu.



- Hiển thị một biểu tượng (logo) hoặc thông tin tĩnh trên một vị trí cố định trên trang Web
- Người dùng có thể kích vào và di chuyển quanh web site mà không cần phải liên tục quay lại trang nội dung
- Nhiều cách hiển thị (Multiple views)

- Khung được tạo ra bằng cách sử dụng thẻ FRAMESET
- Các thuộc tính bao gồm :
 - Rows
 - Cols
- Ví dụ minh họa chia của sổ trình duyệt thành hai khung

```
<FRAMESET cols="50%,50%">  
  
</FRAMESET>
```



- Phần tử FRAME đặt bên trong phần tử FRAMESET để tải mỗi trang HTML vào mỗi khung.
- Các thuộc tính của FRAME bao gồm :
 - name
 - src
 - noresize
 - scrolling
 - frameborder
 - marginwidth
 - marginheight

```
<FRAMESET cols="50%,50%">
    <FRAME src="link.htm">
    <FRAME src="main.htm">
</FRAMESET>
```

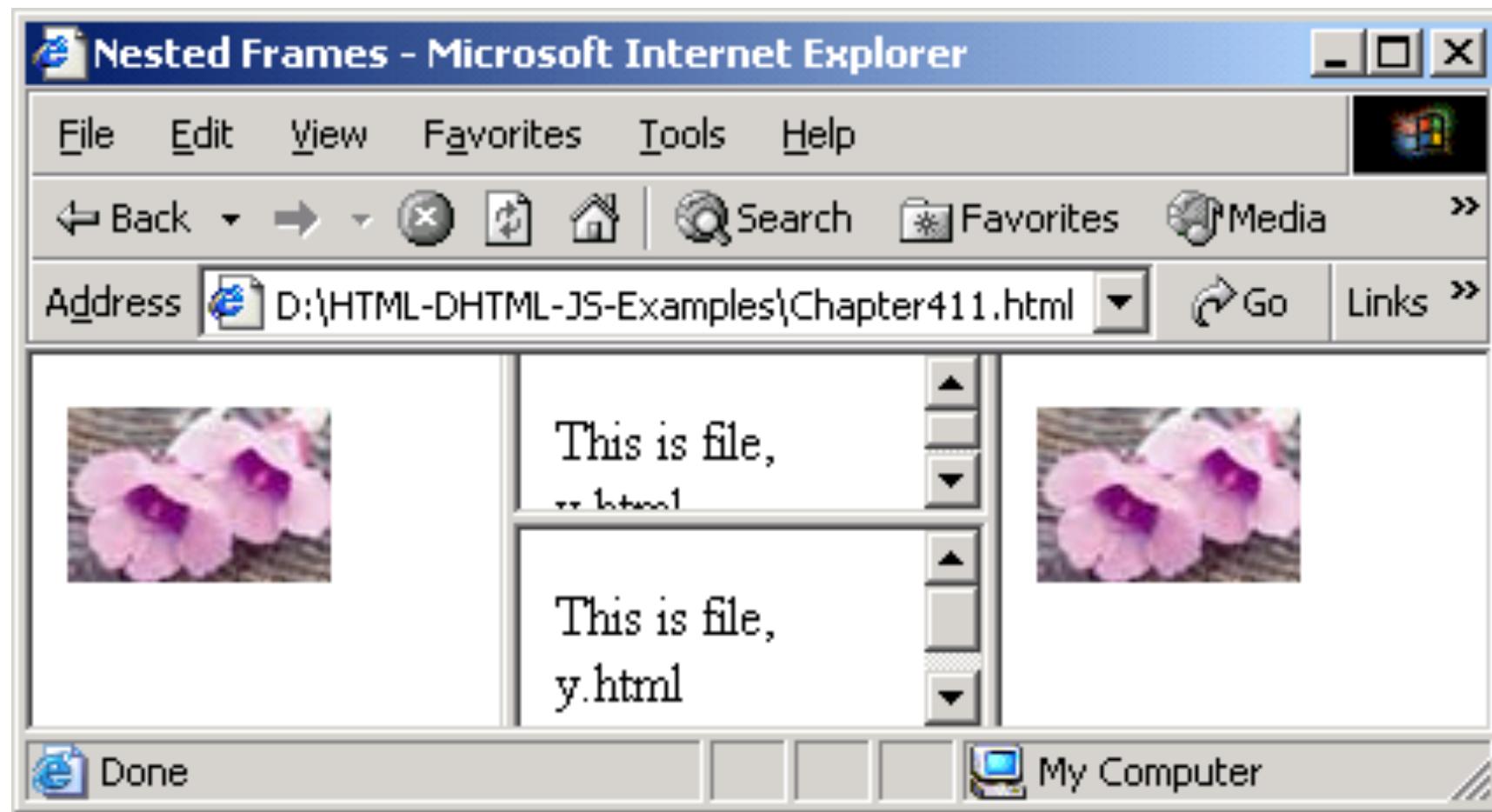
Khung lồng

```
<HTML>
  <HEAD>
    <TITLE>Nested Frames</TITLE>
  </HEAD>
  <FRAMESET cols="33%, 33%, 34%">
    <FRAME src = "flowers.jpg">

    <FRAMESET rows="40%, 50%">
      <FRAME src = "x.html">
      <FRAME src = "y.html">
    </FRAMESET>

    <FRAME src = "flowers.jpg">
  </FRAMESET>
</HTML>
```

Khung lồng



Phần tử NOFRAMES

<HTML>

```
<FRAMESET COLS="40%,60%">
    <FRAME SRC="Flowers.jpg" NAME="Flowers" SCROLLING=yes>
    <FRAMESET ROWS="60,*">
        <FRAME SRC="x.html" NAME="x" SCROLLING=no FRAMEBORDER=no>
        <FRAME SRC="y.html" NAME="y">
        <NOFRAMES>
            Frames are not being displayed. Click here <A
            href="main.htm">for a non-frames version</A>
        </NOFRAMES>
    </FRAMESET>
</FRAMESET>
</HTML>
```

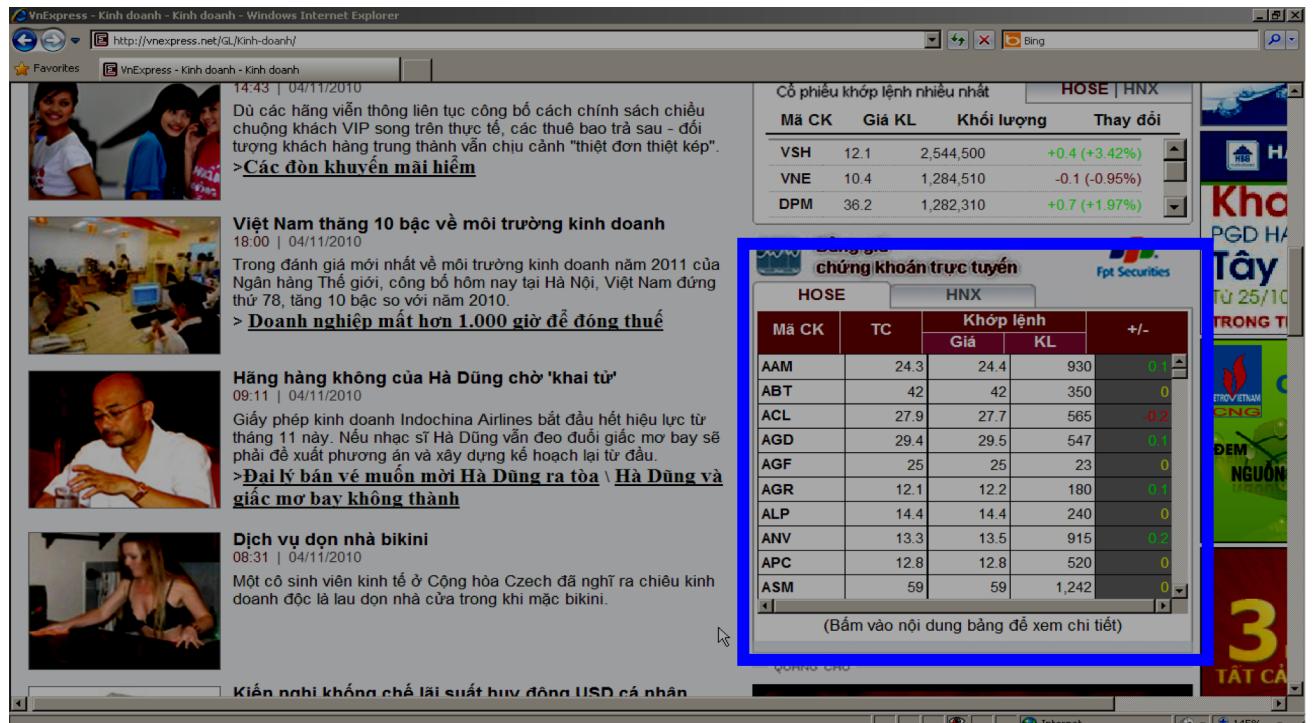
- Inline frame cho phép bạn nhúng một trang HTML nằm bên trong một trang HTML khác.
- Inline Frame là một “khung di động”, nó có thể được đặt ở bất kỳ đâu trong của sổ trình duyệt.
- Thường được dùng để hiển thị các mẩu thông tin được lấy từ trang khác như: chứng khoán, tv online...

Khung trong dòng (inline frame)

- Sử dụng phần tử **IFRAME** để tạo inline frame

```
<IFRAME src=" " ></IFRAME>
```

```
<iframe  
id="ifrmContent"  
name="ifrmContent"  
height="191px"  
width="294px"  
src="http://vnexpress  
.net/User/ck/hcms/HC  
MStockSmall.asp"  
noresize border=false  
frameborder=0  
scrolling="no">  
</iframe>
```



- Thuộc tính

- align
- Name
- Width
- Height
- Frameborder
- Marginheight
- Marginwidth
- Scrolling